

# LUẬN A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

QUYỂN 178

## LUẬN VỀ BÁT HOÀN (Phần 5)

Hỏi: Như nói Bồ-tát trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, tu bốn Ba-la-mật-đa mà được tròn đầy, đó là Bồ thí Ba-la-mật-đa, Trì giới Ba-la-mật-đa, Tinh tiến Ba-la-mật-đa, Bát nhã Ba-la-mật-đa, nên nói ở thời gian nào, tu Ba-la-mật-đa nào mà được tròn đầy?

Đáp: Có người nói: Nếu lúc Bồ-tát thực hành bồ thí, không bị sự keo kiệt bủn xỉn làm cho khuất phục, thì nên nói là Bồ thí Ba-la-mật-đa tròn đầy; lúc trì giới thanh tịnh không bị giới ác làm cho xen tạp, thì nên nói là Trì giới Ba-la-mật-đa tròn đầy; lúc phát khởi tinh tiến không bị sự lười nhác uể oải làm lui sụt hư hoại, thì nên nói là Tinh tiến Ba-la-mật-đa tròn đầy; lúc tu Bát-nhã không bị Tuệ ác làm rối loạn, thì nên nói là Bát nhã Ba-la-mật-đa tròn đầy.

Có người nói: Nếu lúc Bồ-tát chỉ vì tâm Bi mà có thể bồ thí tất cả các loại vật dụng, cho đến thân mạng-đầu mắt-tủy não cũng không có một niệm tâm luyến tiếc, thì đến đây gọi là Bồ thí Ba-la-mật-đa tròn đầy; nếu lúc Bồ-tát bất ngờ bị hữu tình chặt đứt tay chân, cắt xẻo tai mũi, hoặc là chặt đứt thân thể, thậm chí không còn nguyên vẹn dù chỉ bằng hạt cải, lúc bấy giờ không có một niệm tâm tức giận, hướng gò muống trả thù, thì đến đây gọi là Trì giới Ba-la-mật-đa tròn đầy; nếu lúc Bồ-tát bởi vì tâm dũng mãnh, trải qua bảy ngày đêm mà đứng một chân, không chớp mắt mà nhìn, dùng một bài tụng ca ngợi Đức Phật, mà không có một niệm tâm uể oải mệt mỏi, thì đến đây gọi là Tinh tiến Ba-la-mật-đa tròn đầy; nếu lúc Bồ-tát tên gọi Cù-tần-đà tinh tiến cầu mong Bồ-đề, thông minh trí tuệ bậc nhất, luận bàn chất vấn không ai sánh bằng, thế gian đều ca ngợi ngưỡng mộ, thì đến đây gọi là Bát nhã Ba-la-mật-đa tròn đầy.

Hoặc là nói: Cho đến ngồi nơi tòa Kim cang, tiến vào Định Kim

cang dụ, sắp chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đến đây mới gọi là Bát nhã Ba-la-mật-đa tròn đầy.

Nói như vậy thì những cách nói này đều dựa vào một thời gian, một công hạnh tăng thượng mà nói là tròn đầy; nghĩa như thật thì lúc đạt được Tận trí, bốn Ba-la-mật-đa này mới được tròn đầy.

Sư nước ngoài nói: “Có sáu Ba-la-mật-đa, đó là bốn loại ở trước thêm vào Nhẫn và Tĩnh lự.”

Các luận sư của nước Ca-thấp-di-la nói: “Hai Ba-la-mật-đa sau tức là do bốn loại trước thâm nhiếp, đó là Nhẫn thâm nhiếp ở trong Giới, Tĩnh lự thâm nhiếp ở trong Bát-nhã, bởi vì lúc Giới-Tuệ đầy đủ thì gọi là Bát-nhã đầy đủ.”

Lại có người nói khác: Sáu Ba-la-mật-đa, đó là bốn loại ở trước thêm vào Văn và Nhẫn. Nếu lúc Bồ-tát có thể thọ trì tất cả mười hai phần giáo của Đức Như Lai đã nói, thì đến đây gọi là Văn Ba-la-mật-đa tròn đầy. Nếu lúc Bồ-tát tự nói mình tu Nhẫn nhục, bị vua Yết-lợi cắt xẻ thân thể, mà không hề có một niệm tâm tức giận, lại dùng lời nói hiền từ thể làm lợi ích cho nhà vua, thì đến đây gọi là Nhẫn Ba-la-mật-đa tròn đầy.

Hai loại này cũng thâm nhiếp ở trong bốn loại trước, Nhẫn nói như trước, Văn thuộc về Tuệ, tuy các công đức đều có thể gọi là Ba-la-mật-đa, mà dựa vào nghĩa tăng thượng biểu hiện rõ ràng để nói, cho nên chỉ có bốn loại.

Hỏi: Lúc tu bốn Ba-la-mật-đa này, ở mỗi một A-tăng-kỳ kiếp gặp được sự việc của mấy Đức Phật?

Đáp: A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất gặp được sự việc của bảy vạn năm ngàn Đức Phật, vị đầu tiên danh hiệu Thích-ca Mâu-ni, vị cuối cùng danh hiệu Bảo Kế; A-tăng-kỳ kiếp thứ hai gặp được sự việc của bảy vạn sáu ngàn Đức Phật, vị đầu tiên chính là Bảo Kế, vị cuối cùng danh hiệu Nhiên Đăng; A-tăng-kỳ kiếp thứ ba gặp được sự việc của bảy vạn bảy ngàn Đức Phật, vị đầu tiên chính là Nhiên Đăng, vị cuối cùng danh hiệu Thắng Quán; ở trong chín mươi một kiếp tu về nghiệp dị thực của tướng, gặp được sự việc của sáu Đức Phật, vị đầu tiên chính là Thắng Quán, vị cuối cùng danh hiệu Ca-diếp-ba.

Nên biết đây là dựa vào Bồ-tát Thích-ca mà nói, nếu là Bồ-tát khác thì không nhất định. Như vậy Bồ-tát Thích-ca ở thời Đức Phật Ca-diếp-ba, bốn Ba-la-mật-đa trước tiên đầy đủ tùy theo từng phần, nghiệp dị thực của tướng nay khéo tròn đầy, từ châu Thiệm Bộ này chết đi, sinh đến cõi trời Đổ-sử-đa, nhận lấy dị thực cuối cùng ở cõi trời.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát chỉ ở cõi trời Đổ-sử-đa, nhận lấy dị thực cuối cùng ở cõi trời, chứ không ở cõi trời khác?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: “Điều này không cần phải hỏi, nếu ở trên hay là ở dưới thì cũng đều sinh lòng nghi ngờ, nhưng mà sinh ở cõi trời ấy không trái với pháp tướng.”

Có người nói: Cõi trời Đổ-sử-đa là cõi trời ở giữa một ngàn thế giới, pháp giống như phân rốn, vì thế cho nên Bồ-tát chỉ sinh đến cõi trời ấy.

Có người nói: Cõi trời phía dưới thì phóng túng, cõi trời phía trên thì căn chậm chạp, chỉ có cõi trời Đổ-sử-đa là xa hai lỗi lầm, bởi vì Bồ-tát lo sợ phóng túng-chán ngán căn chậm chạp, cho nên chỉ sinh đến cõi trời ấy.

Có người nói: Cõi trời phía dưới thì phiền não sắc bén, cõi trời phía trên thì phiền não thường xuyên hiện hành, cõi trời Đổ-sử-đa là xa hai loại này, bởi vì Bồ-tát chán ngán hai loại phiền não này, cho nên chỉ sinh đến cõi trời ấy.

Có người nói: Bồ-tát chỉ tạo tác tăng trưởng về nghiệp của cõi trời ấy, cho nên chỉ sinh đến cõi trời ấy.

Có người nói: Chỉ riêng thọ lượng ở cõi trời Đổ-sử-đa tương xứng với thời gian Bồ-tát thành Phật và nghiệp chín muồi của người châu Thiệm Bộ được thấy Đức Phật. Nghĩa là loài người trải qua năm mươi bảy Câu-chi sáu mươi ngàn năm, thì căn thiện của người hóa độ và người được hóa độ sẽ chín muồi, đó chính là thọ lượng ở cõi trời Đổ-sử-đa, vì thế cho nên Bồ-tát chỉ sinh đến cõi trời ấy. Nếu sinh ở cõi trời phía trên thì thọ lượng chưa hết mà căn thiện đã chín muồi, nếu sinh ở cõi trời phía dưới thì thọ lượng đã hết mà căn thiện chưa chín muồi, cho nên không sinh đến những nơi ấy.

Có người nói: Bởi vì giáo hóa vô lượng chúng Bồ-tát vui với pháp ở cõi trời Đổ-sử-đa, nghĩa là trong cõi trời ấy có chín sảnh đường, mỗi sảnh đường có số lượng là mười hai Du-thiện-na, Bồ-tát vui với pháp thường quy tụ trong đó, Bồ-tát Bồ xứ ngày đêm sáu thời luôn luôn nói pháp cho họ, ở cõi trời phía trên-phía dưới không có sự việc như vậy.

Có người nói: Bồ-tát luôn luôn ưa thích thực hành Trung đạo (xử trung), cho nên ở đời cuối cùng sinh trong cõi trời Đổ-sử-đa, từ cõi trời ấy chết rồi sinh vào kinh thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ, vào thời gian nửa đêm vượt thành xuất gia, dựa vào công hạnh Trung đạo thành tựu quả vị Đăng Chánh Giác, vì các hữu tình nói về pháp Trung đạo, ở thời gian nửa đêm mà nhập Niết-bàn. Vì vậy chỉ sinh

đến cõi trời Đổ-sử-đa, chứ không ở cõi trời nào khác.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát ở thân cuối cùng chỉ từ cõi trời chết đi chứ không từ loài người mà xuất hiện?

Đáp: Có người nói: Bởi vì ở trong các nẻo thì nẻo trời là thù thắng.

Có người nói: Bởi vì từ trên cõi trời mà xuất hiện cho nên loài người đều tôn trọng.

Có người nói: Bởi vì lúc từ cõi trời xuất hiện thì có sự việc thần biến, từ loài người xuất hiện thì không có sự việc như vậy.

Có người nói: Trong loài người không có thọ lượng như vậy, bởi vì thọ lượng ở cõi trời Đổ-sử-đa tương xứng với thời gian chín muồi của căn thiện.

Có người nói: Bởi vì lực tăng thượng do nghiệp của chúng Bồ-tát vui với pháp ở cõi trời Đổ-sử-đa, khiến cho Bồ-tát này nhất định phải sinh ở cõi trời ấy để thuyết pháp cho họ.

Có người nói: Bởi vì lúc ấy Bồ-tát có nghiệp sinh ở cõi trời cho nên nhất định phải đón nhận.

Có người nói: Nếu Bồ-tát nhiều lần sinh trong loài người mà thành Phật, thì bởi vì sinh tâm chán ngán thấp hèn cho nên không tiếp nhận hóa độ.

Hỏi: Vì sao không thành tựu Chánh Đẳng Giác ngay nơi cõi trời Đổ-sử-đa, mà cần phải đến giữa loài người?

Đáp: Bởi vì thuận theo pháp của chư Phật, nghĩa là hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn đều ở giữa loài người mà tiếp nhận quả vị Chánh giác.

Lại nữa, bởi vì thân của loài trời không phải là nơi nương tựa của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, bởi vì chỉ có trí tuệ-nhận thức mạnh mẽ sắc bén của loài người mới có thể đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, bởi vì chư Thiên đam mê theo dục lạc tuyệt vời, đối với sự việc tiến vào Chánh tánh ly sinh-đạt được quả-lìa nhiễm... không phải là tăng thượng.

Lại nữa, căn tánh của loài người mạnh mẽ sắc bén, phần nhiều có thể tiếp nhận Chánh pháp của Như Lai; loài trời thì không như vậy.

Lại nữa, bởi vì thân cuối cùng của Bồ-tát cần phải nhận lấy Thai sinh, mà loài trời chỉ là Hóa sinh.

Lại nữa, có hai sự việc để Đức Phật xuất hiện ở thế gian:

1. Có tâm chán ngán.

2. Có trí mạnh mẽ sắc bén. Nên biết hai sự việc này chỉ có ở loài người.

Lại nữa, loài người và loài trời đều là pháp khí, bởi vì muốn thấu nhiếp cả hai, cho nên xuất hiện giữa loài người; nếu ở trên cõi trời thì loài người không biết nhờ đâu mà đến được. Hơn nữa, không có thể khiến cho ở trên cõi trời thành Phật mà đến giáo hóa giữa loài người, loài người sẽ nghi ngờ Đức Phật là do huyền hóa đã tạo ra, cho nên không tiếp nhận giáo pháp. Vì thế cho nên Bồ-tát thành Phật giữa loài người.

Nhưng Bồ-tát ở cung trời Đổ-sử-đa, thọ lượng ở đó không còn, lúc sắp sinh xuống cõi dưới, trước tiên quán xét bốn sự việc:

1. Quán xét về thời gian.
2. Quán xét về xứ sở.
3. Quán xét về chủng tánh.
4. Quán xét về nơi nương tựa.

Quán xét về thời gian, đó là quán xét đối với thế gian, Đức Phật nên xuất thế ở trong thời gian nào? Liền biết là Đức Phật nên xuất thế từ lúc loài người sống thọ tám vạn tuổi cho đến một trăm tuổi, nay chính là đúng lúc.

Quán xét về xứ sở, đó là quán xét đối với thế gian, Đức Phật nên xuất thế ở xứ sở nào? Liền biết là Đức Phật nên xuất thế ở vùng Trung Ấn Độ thuộc châu Thiệm Bộ, chứ không phải là trong chốn biên địa Đạt-tự Miệt-lệ-xa.

Quán xét về chủng tánh, đó là quán xét đối với thế gian, Đức Phật nên xuất thế trong chủng tánh nào? Liền biết là Đức Phật nên xuất thế hoặc là trong chủng tánh Sát-đế-lợi, hoặc là chủng tánh Bà-la-môn, tùy theo lúc ấy chủng tánh nào cường thịnh thì sinh trong chủng tánh ấy.

Quán xét về nơi nương tựa, đó là quán xét đối với thế gian, những người nữ nào có cha mẹ-chủng tánh thủy đều thanh tịnh, thai tạng rộng rãi không có những lỗi lầm, có thể duy trì sức lực Na-la-diên của bồ-tát mà hợp thành thân, trải qua thời gian mười tháng? Liền biết trong châu Thiệm Bộ có người nữ này, tên gọi như vậy, có thể làm nơi nương tựa.

Bồ-tát quán xét bốn sự việc như vậy rồi, liền bảo với Thiên tử Hành Đạo rằng: Ông có thể đi khắp nơi nói cho Thiên chúng ở cung trời Đổ-sử-đa biết, sau bảy ngày nữa Bồ-tát Bồ xứ sẽ từ nơi này chết đi, sinh vào kinh thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ ở châu Thiệm Bộ, làm nhiều Phật sự, những ai muốn đi theo thì nên phát nguyện hướng đến! Thiên tử Hành Đạo hoan hỷ vâng dạ cung kính, nhờ

vào thần thông nhanh chóng vốn có của mình, đi khắp nơi báo tin cho Thiên chúng ở cung trời Đổ-sử-đa biết: Các vị Thiên Tiên nên biết! Sau bảy ngày nữa Bồ-tát Bồ xứ sẽ đi xuống châu Thiệm Bộ, sinh trong kinh thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ, làm nhiều Phật sự, các vị Nhân giả và Thiên chúng nào muốn đi theo thì nên phát nguyện hưởng đến! Lúc bấy giờ liền có năm trăm vị Thiên tử, theo tiếng nói lập tức phát nguyện sinh theo xuống trần gian. Đến ngày thứ bảy, Bồ-tát liền cùng với năm trăm vị Thiên tử, cùng lúc từ cung trời Đổ-sử-đa chết đi, cùng lúc mà sinh vào kinh thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ thuộc Trung Ấn Độ ở châu Thiệm Bộ, đều là người dòng họ Thích, giúp đỡ truyền bá thực hiện Phật sự. Nên biết đây là nói về Bồ-tát Thích-ca, nếu như Bồ-tát khác thì tùy theo sự thích hợp của họ.

Như nói: “Này Từ Thị, ông ở đời vị lai sẽ được làm Phật...”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh, như “Đức Thế Tôn nói: Ở đời vị lai, lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, châu Thiệm Bộ này đất đai rộng rãi, dân chúng đông đúc, yên ổn vui sướng, thôn xóm thành ấp rộn tiếng gà gáy, người nữ năm trăm tuổi bấy giờ mới đi lấy chồng. Lúc ấy thân thể mọi người tuy mạnh mẽ xinh đẹp, nhưng có ba điều lo sợ:

1. Đại tiện-tiểu tiện.
2. Nóng lạnh đói khát.
3. Tham dâm già bệnh.

Có vị Chuyển Luân Vương tên gọi Hưởng Khư, uy lực điều phục bốn phương, như pháp cảm hóa thế gian, thành tựu bảy vật quý báu, đó là vòng xe quý báu, voi quý báu, ngựa quý báu, ngọc quý báu, người nữ quý báu, quan chủ quản kho tàng quý báu, quan chủ quản binh lính quý báu. Đây đủ ngàn người con, dũng cảm mạnh mẽ, khôi ngô tuấn tú, có năng lực đẩy lùi quân địch. Mặt đất bằng phẳng như bàn tay, cho đến tận cùng bờ biển rộng không có gò nổi-hố hầm-sỏi đá-gai góc. Mọi người đều hòa thuận, tâm Từ hướng về nhau, không dụng binh khí, dùng lễ phải tự giữ mình. Nhà vua có đài quý báu, cao một ngàn Tầm-chiều rộng mười sáu Phân, trang nghiêm đủ loại mang đi cúng dường ruộng phước, bắt đầu nghiệp phước to lớn. Sau đó không lâu cạo bỏ râu róc, dùng tín tâm xuất gia chịu khó tu Phạm hạnh, ở trong pháp hiện tại thành bậc A-la-hán, liền có thể tự biết rõ: Đời sống của mình đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau, được nhập Niết-bàn.

Lúc Đức Phật nói lời này xong, Tỳ kheo A-thị-đa ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà cung kính chấp tay thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con nguyện ở đời vị lai sẽ được làm Luân Vương Hưởng Khư ấy, uy lực điều phục bốn phương, như pháp cảm hóa thế gian..., cho đến được nhập Niết-bàn.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quở trách Tỳ kheo ấy rằng: Người ngu si, vì sao không muốn một lần chết mà cầu mong nhiều lần chết, nguyện ở đời vị lai làm Luân Vương Hưởng Khư...? Nhưng mà A-thị-đa, như ông đã nguyện, ông ở đời vị lai nhất định được làm Luân Vương Hưởng Khư ấy, uy lực điều phục bốn phương, như pháp cảm hóa thế gian..., cho đến được nhập Niết-bàn.

Lại bảo với Đại chúng: Ở đời vị lai, lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác-Minh Hạnh Viên Mãn-Thiện Thệ-Thế Gian Giải-Vô Thượng Sĩ-Điều Ngự Trượng Phu-Thiên Nhân Sư-Phật-Thế Tôn, đầy đủ mười hiệu như Ta bây giờ. Đức Phật ấy lại ở giữa chúng Thiên ma, Đại Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời người của thế gian này, tự xưng Ta là Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác cho đến Phật-Thế Tôn, đầy đủ mười hiệu, chứng được thần thông trí tuệ tự tại, cũng tự biết rõ ràng đời sống của mình đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau, được nhập Niết-bàn. Lại vì hữu tình tuyên thuyết về Chánh pháp, nêu bày rõ ràng Sơ thiện-Trung thiện-Hậu thiện, văn nghĩa tuyệt vời thuần nhất, đầy đủ trọn vẹn Phạm hạnh trong sáng, đích thực mở bày Phạm hạnh cho các hàng trời-người, khiến cho tu học nhiều hơn, vô lượng trăm ngàn đồ chúng vây quanh, vô lượng đệ tử họ Từ hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn. Như Ta bây giờ cũng ở giữa chúng Thiên ma, Đại Phạm... của thế gian này, nói rộng cho đến... vô lượng đệ tử họ Thích hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn.

Lúc Đức Phật nói lời này xong, Bồ-tát Từ Thị ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà cung kính chấp tay thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con nguyện ở đời vị lai sẽ được làm Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác... ấy, nói rộng cho đến... như Đức Thế Tôn bây giờ cũng được vô lượng đệ tử họ Thích hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nghe vị ấy nói xong, khởi lên trí đời trước (tiền tế trí), quán xét tỉ mỉ Từ Thị trải qua ba Vô số kiếp tu bốn Ba-la-mật-đa được đầy đủ trọn vẹn hay không? Liền biết như thật là đều đã đầy đủ trọn vẹn. Lại quán xét tỉ mỉ vị ấy trong trăm Đại kiếp



tu về nghiệp dị thực của tướng được đầy đủ trọn vẹn hay không? Liền biết như thật là trừ ra nghiệp của tướng sắc vàng, còn lại đều đầy đủ trọn vẹn.

Vì vậy, Đức Phật bảo với Đại sinh chủ Kiêu-đáp-di rằng: Nay cô có thể đem chiếc y sắc vàng này cúng dường chúng Tăng, nếu cúng dường Tăng thì nên biết cũng gọi là cúng dường cho Ta. Lúc ấy Đức Phật biết trước là chúng Tăng có được chiếc y sắc vàng này rồi, có là nhân duyên thích hợp để Từ Thị có được, Từ Thị có được rồi nhất định sẽ cúng dường cho Ta, nói rộng cho đến... nhờ vào nhân duyên này mà đầy đủ nghiệp của sắc vàng.”

Trong này, có người nói: “Đức Phật muốn làm cho vị ấy đầy đủ nghiệp của sắc vàng, bảo với A-nan-đà rằng: Ông hãy tìm cho Ta chiếc y sắc vàng mới, Ta muốn cầm trao Từ Thị. Lúc ấy A-nan-đà như lời dạy tìm được chiếc y, lập tức quỳ gối dâng lên. Đức Thế Tôn có được chiếc y rồi bảo với Từ Thị rằng: Ông hãy nhận lấy chiếc y sắc vàng mới này. Từ Thị vâng theo lời dạy nhưng không dám nhận lấy. Đức Phật bảo rằng: Cứ nhận lấy, tùy ý ông dâng cúng Đức Phật là bậc Thượng Thủ của Tăng. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì ông ở đời vị lai sẽ nhờ vào phước này để làm lợi ích cho thế gian. Từ Thị cung kính vâng dạ nhận lấy rồi dâng cúng Đức Phật là bậc Thượng Thủ của Tăng. Nhờ vào nhân duyên này mà đầy đủ nghiệp của sắc vàng.”

Có người nói: Nghiệp về tướng sắc vàng của Từ Thị cũng đầy đủ trọn vẹn trước đó, nhưng Đức Phật dạy vị ấy cúng dường chiếc y sắc vàng, là bởi vì muốn hiển bày về công đức tuy đầy đủ trọn vẹn mà không hề thỏa mãn, cho nên khuyến khích dẫn dắt người khác.

“Đức Thế Tôn khởi lên trí đời trước quán xét về đời trước của Từ Thị rồi, lại khởi lên trí đời sau (hậu tế trí) quán xét tử mị ở vị lai lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, Từ Thị có đạt được thân sở y của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề hay không? Liền biết là Từ Thị có điều đó. Lại quán sát tử mị là Từ Thị vào lúc bấy giờ có khả năng đạt được quả vị Bồ-đề hay không? Liền biết là Từ Thị có khả năng. Đức Thế Tôn quán xét đời trước-đời sau của Từ Thị rồi, liền khen ngợi Bồ-tát Từ Thị rằng: Khéo thay, khéo thay! Ông có thể phát khởi Tư nguyện rộng lớn này vì muốn làm lợi ích cho vô lượng hữu tình, thật là niềm vui tốt lành!

Lại bảo với Từ Thị: Như ông đã nguyện, ông ở đời vị lai lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, sẽ được làm Phật danh hiệu là Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác..., nói rộng cho đến... vô lượng đệ tử



họ Từ hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn. Như Ta bây giờ cũng được vô lượng đệ tử họ Thích hầu hạ bảo vệ, làm lợi ích to lớn.”

Hỏi: A-thị-đa và Từ Thị đều cầu mong thân lúc tám vạn tuổi ở vị lai, vì sao Đức Thế Tôn quở trách A-thị-đa mà lại khen ngợi Từ Thị?

Đáp: Tỳ kheo A-thị-đa đối với quả báo khởi lên ý thích, khởi lên thắng giải, khởi lên vui mừng, khởi lên hy vọng, khởi lên mong cầu, cho nên Đức Phật quở trách; Bồ-tát Từ Thị đối với quả báo không khởi lên ý thích cho đến mong cầu, nhưng khởi lên ý thích cho đến mong cầu đối với việc làm lợi ích yên vui cho hữu tình, cho nên Đức Phật khen ngợi.

Lại nữa, A-thị-đa mong cầu địa vị Luân Vương của thế gian, cho nên Đức Phật quở trách; Từ Thị mong cầu địa vị Luân Vương xuất thế gian, cho nên Đức Phật khen ngợi. Như vậy, cầu địa vị của Luân Vương lưu chuyển, cầu địa vị của Luân Vương hoàn diệt nói cũng như vậy.

Lại nữa, A-thị-đa mong cầu lợi ích yên vui cho mình, cho nên Đức Phật quở trách; Từ Thị mong cầu lợi ích yên vui cho người, cho nên Đức Phật khen ngợi. Như vậy, cầu lợi ích cho mình, cầu lợi ích cho người nói cũng như vậy.

Trong kinh tuy nói ra điều này: “Này Từ Thị, ông ở đời vị lai lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, sẽ được làm Phật danh hiệu là Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác...” Nhưng mà không phân biệt đây là trí nào, trí này đối với nơi nào mà chuyển? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không nói, thì nay cần phải nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Như nói: “Này Từ Thị, ông ở đời vị lai lúc tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi, sẽ được làm Phật danh hiệu là Từ Thị Như Lai-Ứng Chánh Đẳng Giác.” Đây là trí nào?

Đáp: Nhân trí và Đạo trí, đây chính là trí của Như Lai quán sát về đời trước-đời sau của Từ Thị.

Hỏi: Trí này đối với nơi nào mà chuyển?

Đáp: Có lúc đối với nghiệp dị thực của tướng mà chuyển, vì vậy gọi là Nhân trí; có lúc đối với Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề mà chuyển, vì vậy gọi là Đạo trí. Đây chính là trí của Như Lai quán sát về nghiệp dị thực của tướng ở đời trước của Từ Thị đầy đủ trọn vẹn hay không đầy đủ trọn vẹn, trí đối với nhân mà chuyển cho nên gọi là Nhân trí; và là trí quán sát về Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề ở đời sau của Từ Thị, trí đối với đạo mà chuyển cho nên gọi là Đạo trí.

Nhưng mà hai trí này đều là Thế tục trí thâm nhiếp, bởi vì không phải là trí của mười sáu hành tướng. Hoặc có lúc trong thân tuy có ba mươi hai tướng mà không có Thánh pháp, đó là dị sinh như Chuyển Luân Vương. Hoặc có lúc trong thân tuy có Thánh pháp mà không có ba mươi hai tướng, đó là không phải Luân Vương và hàng Thanh văn. Hoặc có lúc trong thân có ba mươi hai tướng cũng có Thánh pháp mà không phải là Phật, đó là như Luân Vương Hưởng Khư, đã có được Thánh đạo. Hoặc có lúc trong thân không có ba mươi hai tướng cũng không có Thánh pháp, đó là những dị sinh còn lại. Tất cả thân Phật chắc chắn có ba mươi hai tướng Vô thượng và Thánh pháp Vô thượng, đó là Chánh đẳng Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ nói là đối với nghiệp dị thực của tướng mà chuyển gọi là Nhân trí, không nói là đối với bốn Ba-la-mật-đa mà chuyển gọi là Nhân trí?

Đáp: Cần phải nói mà không nói, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, nghiệp dị thực của tướng thì gần, bốn Ba-la-mật-đa thì xa, trong này nói đến gần chứ không nói đến xa.

Lại nữa, lúc tu về nghiệp dị thực của tướng thì biểu hiện rõ ràng, trời-người cùng nhận biết; bốn Ba-la-mật-đa thì không như vậy, trong này thuận theo hiển bày mà nói.

Lại nữa, lúc tu về nghiệp dị thực của tướng, thì Bồ-đề quyết định mà nẻo cũng quyết định; lúc tu bốn Ba-la-mật-đa, thì Bồ-đề tuy quyết định mà nẻo chưa quyết định, vì thế cho nên không nói.

Lại nữa, trong này nói nhận biết nhân gần của thân, nhân gần của Bồ-đề, nghiệp dị thực của tướng là nhân gần của thân, Căn-Lực...vô lậu là nhân gần của Bồ-đề; bốn Ba-la-mật-đa và quán Bất tịnh... không phải là hai nhân gần, vì thế cho nên không nói.

Như nói: “Tỳ kheo này ngay nơi pháp hiện tại sẽ phân rõ tôn chỉ của bậc Thánh...”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như kinh Tự Tứ nói: “Tỳ kheo này ngay nơi pháp hiện tại sẽ phân rõ tôn chỉ của bậc Thánh, có thể tự mình biết rõ ràng, đời sống của mình đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau, được nhập Niết-bàn.” Kinh ấy tuy nói ra điều này mà không phân biệt đây là trí nào, trí này đối với nơi nào mà chuyển? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không phân biệt, thì nay cần phải

phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Như nói: “Tỳ kheo này ngay nơi pháp hiện tại sẽ phân rõ tôn chỉ của bậc Thánh...” Đây là trí nào?

Đáp: Đạo trí.

Hỏi: Trí này đối với nơi nào mà chuyển?

Đáp: Trí này đối với Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được các lậu vĩnh viễn không còn mà chuyển, vì vậy gọi là Đạo trí. Đây chính là trí của Như Lai quán sát về Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được các lậu vĩnh viễn không còn của các Tỳ kheo, trí đối với đạo mà chuyển cho nên gọi là Đạo trí. Trí này cũng là Thế tục trí thâm nhiếp, bởi vì không phải là trí vô lậu của mười sáu hành tướng.

Hỏi: Vì sao trong này không nói đến Nhân trí?

Đáp: Có người nói: Trong này nên đưa ra cách nói này: “Đây là trí nào? Đáp: Nhân trí và Đạo trí. Trí này đối với nơi nào mà chuyển? Đáp: Có lúc đối với căn thiện thuận phần giải thoát... mà chuyển, vì vậy gọi là Nhân trí; có lúc đối với Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đạt được các lậu vĩnh viễn không còn mà chuyển, vì vậy gọi là Đạo trí.” Mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Gia hạnh của Bồ-đề Vô thượng rộng lớn, trải qua ba Vô số kiếp, trăm kiếp mới thành, nhân ấy đáng coi trọng, cho nên nói đến trí quán xét điều ấy. Gia hạnh của Bồ-đề Thanh văn nhỏ hẹp, đó là nhanh nhất thì ba đời sẽ đạt được, đời thứ nhất gieo giống, đời thứ hai thành thực, đời thứ ba giải thoát, nhân không phải là đáng coi trọng, cho nên không nói đến trí quán xét điều ấy.

Có người nói: Sở y-chủng tánh-nghiệp dị thực về tướng của Bồ-tát đều quyết định, cho nên nói đến trí nhận biết về điều ấy; sở y-chủng tánh-căn thiện thuận phần giải thoát của Thanh văn đều không quyết định, cho nên không nói đến trí nhận biết về điều ấy.

Có người nói: Đức Phật có hai sự thù thắng, một là thân sở y, hai là Bồ-đề đã đạt được, bởi vì quán xét đầy đủ nhân ấy cho nên nói đến trí nhận biết hai loại nhân; Thanh văn chỉ có sự thù thắng thuộc Bồ-đề đã đạt được, không phải là thân sở y, cho nên chỉ nói đến trí nhận biết về nhân Bồ-đề.

Có người nói: Trí nhận biết về căn thiện thuận phần giải thoát... trước đây cũng không nói, cho nên ở trong này không cần phải đưa ra câu hỏi.

Nguyện trí là thế nào? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây tuy nói về tác dụng của Nguyện trí, mà chưa nói đến tự tánh của Nguyện trí, nay muốn nói đến điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nguyện trí là thế nào?

Đáp: Như A-la-hán thành tựu thần thông, đạt được tâm tự tại, tùy theo ý muốn biết rõ ý nghĩa, phát khởi Chánh nguyện rồi, liền tiến vào giới hạn (biên tế) của Tĩnh lực thứ tư, từ trong Định rời ra rồi như nguyện đều biết rõ. Tùy theo ý muốn biết rõ ý nghĩa.

Hỏi: Vì sao A-la-hán muốn biết rõ ý nghĩa?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên:

1. Bởi vì lợi ích cho đệ tử.
2. Bởi vì trú trì Phật pháp.
3. Bởi vì biết thế gian yên ổn hay là không yên ổn.

Bởi vì lợi ích cho đệ tử, đó là A-la-hán đối với các đệ tử lúc tu quán hành, thì pháp cần phải quán xét họ tiến vào hàng Thánh lâu hay mau, tuổi thọ của mình không còn thì họ có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh hay không? Giả sử không có thể tiến vào thì sau khi mình mạng chung, có người nào khác có thể dạy bảo khiến cho có thể tiến vào hay không? Như vậy đều dùng Nguyện trí mà nhận biết, những sự việc như vậy gọi là vì lợi ích cho đệ tử.

Bởi vì trú trì Phật pháp, đó là A-la-hán có lúc quản lý công việc của Phật-Pháp-Tăng như xây dựng tháp thờ-chùa chiền-nhà cửa (Suất-đổ-ba, Tỳ-ha-la, Tăng già lam)..., thì pháp cần phải quán xét lâu-mau sẽ hoàn thành, hết tuổi thọ của mình có thể hoàn thành hay không? Giả sử không hoàn thành thì sau khi mình mạng chung, có người nào khác có thể tiếp tục hoàn thành hay không? Hoặc có Quốc vương-Đại thần-Trưởng giả và những chủ buôn, muốn gây ra sự suy tổn đối với Phật pháp, có A-la-hán suy nghĩ muốn hóa độ, lập tức quán sát người ấy có thể hóa độ hay không? Giả sử có thể hóa độ thì sẽ lâu mau? Tuổi thọ của mình không còn thì sự hóa độ có kết quả hay không? Giả sử không có kết quả, thì sau khi mình mạng chung có ai có thể tiếp tục hay không? Như vậy đều dùng Nguyện trí mà nhận biết, những sự việc như vậy gọi là vì trú trì Phật pháp.

Bởi vì biết thế gian yên ổn hay là không yên ổn, đó là A-la-hán có lúc quán sát trong đất nước này và trong thời gian này, sẽ có những sự việc như tốt lành-sợ hãi-yên ổn-dịch bệnh..., muốn khiến cho mình và người nhận biết mà giữ lấy và rời bỏ, cho nên khởi lên Nguyện trí để nhận biết. Như xưa kia ở nước Ca-thấp-di-la này có vị vua tên gọi

Thước-ca, bởi vì vua nước Phược-hát xâm phạm cướp đoạt tiến vào lãnh thổ, lúc ấy vua Thước-ca lập tức dẫn đầu binh lính muốn đánh nhau. Vị vua ấy bản tánh hiền từ nhân hậu, luôn luôn sợ nghiệp ác, thậm chí lên nghĩ rằng: Không biết nay mình đánh nhau chắc chắn được thắng trận, giữ được ngôi vua hay không, nếu như sẽ thất bại thì chỉ giết hại dân chúng vô tội, lại chuốc lấy tội lỗi, chết sẽ rơi vào địa ngục, từng nghe trong ngôi chùa ấy có vị A-la-hán đạt được Nguyên trí vi diệu, mình nên đi đến hỏi xem! Nghĩ rồi lập tức đi đến, thật lòng quy y cung kính lễ lạy, cầu mong quyết đoán mối nghi của mình. Vị A-la-hán ấy liền trả lời nhà vua rằng: Tôi tuy đã từng đạt được trí này, nhưng bởi vì thiếu duyên giúp đỡ, thân lực yếu kém cho nên đã lâu không còn hiện rõ trước mắt. Lúc ấy nhà vua liền dùng các loại đồ ăn thức uống-đồ vật sinh hoạt tuyệt vời bậc nhất mà cung cấp cho vị ấy. Không bao lâu thì Tôn giả ấy có thể khởi lên Nguyên trí, lập tức quán sát cho nhà vua, thì thấy vua Phược-hát chắc chắn sẽ đoạt được ngôi vị của vua Thước-ca, làm nhiều điều lợi ích. Thấy rồi liền trả lời vua Thước-ca rằng: Nhà vua sẽ mất đất nước, mong tự mình suy nghĩ cẩn thận! Vua Thước-ca vâng dạ cung kính, liền dẫn đầu binh lính và mang theo quyến thuộc, rời bỏ đất nước mà đi đến xứ sở khác. Bởi vì nhân duyên này, cho nên các A-la-hán muốn biết rõ ý nghĩa ấy. Tiến vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Vì sao gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Đây là dấu hiệu, là điểm cuối cùng, là khu rừng rậm rạp đối với Tĩnh lự thứ tư, cho nên gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, chính là nghĩa thuộc phẩm thù thắng nhất của Tĩnh lự thứ tư; giống như đọt cây là điểm cao nhất trong thân cây, thì gọi là giới hạn của cây.

Có người nói: Đây là nơi nương tựa của các pháp công đức như dấu hiệu của trí, điểm cuối cùng của trí, khu rừng rậm rạp của trí..., cho nên gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư. Nghĩa là bởi vì các loại công đức như Vô lượng... xông ướp nối tiếp nhau rồi, mới khởi lên Định này. Dựa vào Định này mà khởi lên công đức, là dấu hiệu, là điểm cuối cùng, là khu rừng rậm rạp đối với các công đức; giống như Đê-hồ là vị thù thắng nhất trong sữa bò.

Có người nói: Trí này nên gọi là giới hạn sau cùng (hậu tế) của Tĩnh lự thứ tư. Giới hạn (tế) có ba loại:

1. Giới hạn đầu tiên.
2. Giới hạn khoảng giữa.
3. Giới hạn sau cùng. Ba giới hạn này tức là quá khứ-hiện tại-vị lai, như thứ tự ấy. Trong này, giới hạn đầu tiên do hai trí nhận biết, đó

là Túc trú tùy niệm trí và Nguyên trí; giới hạn khoảng giữa cũng do hai trí nhận biết, đó là Tha tâm trí và Nguyên trí; giới hạn sau cùng chỉ do Nguyên trí nhận biết, bởi vì trong cảnh của vị lai chỉ có trí này. Vì thế cho nên trí này gọi là trí thuộc giới hạn sau cùng (hậu tế trí), có thể khởi lên Định này, gọi là giới hạn sau cùng của Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Trí này nên gọi là chưa đến giới hạn (vị chí tế) của Tĩnh lự thứ tư. Giới hạn (tế) có ba loại:

1. Chưa đến giới hạn.
2. Đến giới hạn.
3. Đã đến giới hạn.

Ba giới hạn này tức là vị lai-hiện tại-quá khứ, như thứ tự ấy. Như nhận biết hiện tại gọi là trí chưa đến giới hạn, nhận biết quá khứ gọi là trí đã đến giới hạn, như vậy trí này phần nhiều nhận biết về vị lai, cho nên gọi là trí chưa đến giới hạn; có thể khởi lên Định này, gọi là chưa đến giới hạn của Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Trí này chỉ nên gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì Biên là gọi cho Uẩn-Giới-Xứ hiện tại, Tế là gọi cho quá khứ-vị lai. Như đối với Uẩn-Giới-Xứ hiện tại có trí hiện thấy mà chuyển, như vậy đối với quá khứ-vị lai cũng có trí hiện thấy mà chuyển, cho nên trí này gọi là trí của giới hạn (biên tế trí); có thể khởi lên Định này, gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư. Từ trong Định rời ra rồi như nguyện đều biết rõ.

Hỏi: Là đang còn Định mà nhận biết, hay là rời khỏi Định mà nhận biết? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu như đang còn Định mà nhận biết, thì tại sao trong này nói từ trong Định rời ra rồi như nguyện đều biết rõ? Nếu như rời khỏi Định mà nhận biết, thì tại sao cần phải tiến vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Ngay lúc đang còn Định có thể nhận biết.

Hỏi: Tại sao trong này nói từ trong Định rời ra rồi như nguyện đều biết rõ?

Đáp: Đây là ở lúc nói mà gọi là nhận biết, bởi vì nói là biểu hiện cho nhận biết.

Lại nữa, lúc bấy giờ làm cho người khác nhận biết cho nên gọi là nhận biết.

Có người nói: Rời khỏi Định có thể nhận biết.

Hỏi: Tại sao cần phải tiến vào Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Giới hạn của Tĩnh lự thứ tư là phương tiện nhận biết, bởi vì cần phải tiến vào Định này thì trí này mới sinh khởi.

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý, bởi vì đang còn Định có thể nhận biết, rời khỏi Định mà nói rõ.

Hỏi: Tự tánh của Nguyên trí là gì?

Đáp: Tự tánh là Tuệ. Như tự tánh, như vậy bốn tánh và tánh tướng của Ngã-vật cũng như vậy.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Nguyên trí?

Đáp: Có thể nhận biết như nguyện, cho nên gọi là Nguyên trí.

Hỏi: Là có thể nhận biết như nguyện của mình, hay là có thể nhận biết như nguyện của người khác?

Đáp: Cũng nhận biết như nguyện của mình, cũng nhận biết như nguyện của người khác, bởi vì tùy theo nguyện vốn có đều có thể nhận biết.

Lại nữa, nhận biết về nguyện vốn có, cho nên gọi là Nguyên trí. Nguyên có hai loại, đó là nguyện về Bồ-đề và nguyện về quả báo. Nguyên về Bồ-đề là như các nguyện của Từ Thị, nguyện về quả báo là như các nguyện của A-thị-đà, nhận biết những nguyện này cho nên gọi là Nguyên trí.

Lại nữa, trí tùy theo nguyện mà khởi lên, cho nên gọi là Nguyên trí. Đó là bởi vì trí thù thắng này, cần phải do tác ý gia hạnh của nguyện trước đây mà dẫn dắt phát khởi; Như Lai tuy không có tác ý gia hạnh, mà cũng cần phải có tâm nguyện làm đầu tiên.

Có người nói: Trí này nên gọi là Kỳ trí, bởi vì cảnh nhận biết vô cùng vi tế, cần phải đưa ra hạn kỳ thì mới có thể nhận biết.

Có người nói: Trí này nên gọi là Diệu trí, bởi vì trí này thù thắng nhất trong các trí; như thế gian nói đồ ăn thức uống tuyệt vời, áo quần tuyệt vời..., đó là đối với thù thắng mà nói theo thanh tuyệt vời, ở đây cũng như vậy.

Nhưng Nguyên trí này: Nói về Cõi, thì cõi Sắc.

Nói về Địa, thì thuộc về địa Tĩnh lực thứ tư.

Nói về Sở y, thì dựa vào thân của cõi Dục.

Nói về Hành tướng, thì làm mười sáu hành tướng, hoặc là hành tướng khác.

Nói về Sở duyên, thì duyên với tất cả các pháp.

Nói về Niệm trú, thì bao gồm bốn Niệm trú.

Nói về Trí, thì A-tỳ-đạt-ma xưa kia nói là chỉ riêng Thế tục trí.

Có Sư khác nói: Tánh thuộc tám trí, trừ ra Tận trí và Vô sinh trí. Nguyên cố thế nào? Bởi vì hai trí ấy không phải là tánh thuộc Kiến, mà



Nguyện trí là tánh thuộc Kiến.

Nói như vậy thì chỉ là một Thế tục trí.

Nói về Tam-ma-địa đi cùng, thì không đi cùng với Tam-ma-địa, bởi vì chỉ là hữu lậu.

Nói về Căn tương ứng, thì tương ứng với Xả căn.

Nói về Thời gian (thế), thì thuộc về ba thời gian; duyên với ba thời gian và tách lìa thời gian.

Nói về thiện-bất thiện-vô ký, thì đều là thiện; duyên với ba loại.

Nói về hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, thì chỉ hệ thuộc cõi Sắc; duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Nói về Học-Vô học và Phi học phi vô học, thì đều là Phi học phi vô học; duyên với ba loại.

Nói về do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, thì đều là do Tu mà đoạn; duyên với ba loại.

Nói về duyên với danh-duyên với nghĩa, thì duyên chung với danh và nghĩa.

Nói về duyên với Tự tương tục-Tha tương tục và Phi tương tục, thì duyên chung với ba loại.

Hỏi: Khởi lên ở nơi nào?

Đáp: Khởi lên ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc. Trong cõi Dục thì chỉ có loài người, chứ không phải là loài khác. Trong loài người thì chỉ có ba châu, chứ không phải là châu Bắc Câu-lô. Trong ba châu thì thân nam-thân nữ đều có thể khởi lên.

Tôn giả Cù-sa-phiệt-ma đưa ra cách nói như vậy: “Chỉ có châu Thiệm Bộ có thể khởi lên chứ không phải là châu khác, chỉ có người nam có thể khởi lên chứ không phải là người nữ. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Nguyện trí thù thắng, cho nên cần phải dựa vào thân mạnh mẽ sắc bén tăng thượng, mà hai châu khác và thân nữ đều là yếu kém.”

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý, ba châu và thân nam-thân nữ đều mạnh mẽ sắc bén tăng thượng, bởi vì đều có thể đạt được tâm tự tại và Định tự tại. Nếu không như vậy thì trong kinh không nên nói Đại sinh chủ là bậc Thượng thủ của năm trăm Tỳ kheo Ni, ở trong một ngày cùng lúc rời bỏ thọ mạng hiện hành mà nhập Niết-bàn. Nếu họ không đạt được giới hạn của Tính lự thứ tư, thì không có thể rời bỏ đối với thọ mạng hiện hành. Đã đạt được điều này thì vì sao tự mình không có thể phát khởi Nguyện trí?

Hỏi: Những Bồ-đặc-già-la nào có thể khởi lên trí này?

Đáp: Thánh giả chứ không phải là dị sinh. Trong hàng Thánh chỉ

---

có Vô học, không phải là Hữu học. Trong Vô học chỉ có Bất thời giải thoát, không phải là Thời giải thoát. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu đối với Định đạt được tự tại, và trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, thì có thể khởi lên Nguyện trí. Các dị sinh và Tín thắng giải cả hai sự việc đều không có; Kiến chí tuy đối với Định đạt được tự tại, mà trong sự nối tiếp nhau bị phiền não níu giữ; Thời giải thoát tuy sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, mà đối với Định không đạt được tự tại; vì thế cho nên đều không có thể phát khởi Nguyện trí. Chỉ có Bất thời giải thoát đối với Định đạt được tự tại, và trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, cho nên có thể khởi lên Nguyện trí.

